

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27.5.2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Hồng Bách.**

Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Dương Xuân Đính.**

2. **Bà Nguyễn Thị Mai**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Hoàng Thu Thảo.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Thanh Vân** – Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2020/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX ngày 11/05/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Quang N**, sinh năm 1978; HKTT và nơi ở: Thôn Ngọc C, xã Vĩnh N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: **Chị Trần Thị T**, sinh năm 1981; HKTT và nơi ở: Thôn Ngọc C, xã Vĩnh N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020 và các lời khai anh Nguyễn Quang N - Nguyên đơn trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị T ngày 09/1/2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh N, huyện Đ, TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống tại Thôn Ngọc C, xã Vĩnh N, huyện Đ, Hà Nội. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh không có tình cảm với chị T, tính cách không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm nên cuộc sống không hạnh phúc, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không hàn

gắn được. Anh N đã hai lần viết đơn ly hôn đề nghị chị T ký nhưng chị T đều xé đơn ly hôn. Anh N và chị T đã ly thân từ ngày 01/9/2017, anh N chuyển đến thôn Núi M, xã Hoàn S, huyện Tiên D, Bắc Ninh ở và làm việc tại đó chỉ thỉnh thoảng về nhà thăm con.

Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Bản thân hai vợ chồng cũng đã trao đổi để hòa giải mâu thuẫn nhưng cũng không có kết quả. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn không thể khắc phục được, vợ chồng không đem lại hạnh phúc cho nhau, vì vậy anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/10/2004. Khi ly hôn, anh N yêu cầu giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp chị T không đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Anh, chị sẽ tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn của anh chị đúng như anh N đã trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng anh, chị không hợp nhau, do anh N thường đi làm xa nên không còn tình cảm với chị T nữa chứ hai vợ chồng chưa xảy ra cãi vã bao giờ, hai vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành. Anh N có làm đơn ly hôn và chị có xé một lần. Hiện tại anh, chị đã sống ly thân, anh N chuyển ra ngoài ở. Nay anh N xin ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với anh N. Nếu anh N nhất quyết xin ly hôn thì chị T đồng ý nếu anh N bồi thường cho chị các khoản tiền sau:

- Công sức chị T phục vụ gia đình anh N và chăm sóc nuôi dạy con cái, chăm sóc mẹ chồng, lo việc giỗ bàn cưới hỏi 16 năm: 4.000.000 đồng một tháng x 16 năm là 768.000.000 đồng.

- Công sức chị T sinh cho anh N một đứa con, tuổi thanh xuân đã mất là 600.000.000 đồng.

- Công sức chị T thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là 1.168.000.000 đồng.

Tổng cộng là **2.536.000.000** đồng.

- Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/10/2004. Khi ly hôn, chị T yêu cầu giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng do thu nhập của chị thấp không đủ để trang trải cuộc sống nuôi dưỡng cháu. Anh, chị sẽ tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với chị T. Lý do xin ly hôn vì ngay từ khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu quá

ngắn 1-2 ngày nên không có tình cảm. Sau này cũng không có tình cảm với chị T. Anh duy trì cuộc sống đến ngày hôm nay là vì con.

Về con chung nếu chị T không nhận nuôi dưỡng anh xin nhận nuôi con, không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù anh đã được Tòa án giải thích về quyền của của con sau khi bố mẹ li hôn.

Trường hợp chị T nhận nuôi con anh xin được cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1,5 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản chung vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị T không đồng ý li hôn. Chị cho rằng mặc dù anh N không có tình cảm với chị nhưng 16 năm qua chị vẫn chịu nhịn mặc dù anh N lạnh nhạt với chị, không quan tâm đến cuộc sống kinh tế gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chị vẫn chịu được vì cuộc sống gia đình.

Tuy nhiên chị T không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện cuộc sống vợ chồng.

Về con chung: chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh N nuôi dưỡng chăm sóc. Chị xin đóng góp cấp dưỡng nuôi con từ 1,5 đến 3 triệu đồng/tháng.

Về yêu cầu đòi bồi thường tuổi thanh xuân, tiền công do sinh con chung, tiền công ăn ở và phục vụ anh N chị xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mẹ chị đã mất còn bố nhưng hiện tại bố đẻ của chị không còn minh mẫn nên cũng không biết gì về cuộc sống của vợ chồng chị.

Bà Khánh mẹ đẻ anh N trình bày:

Sau khi hai anh chị kết hôn có về nhà của vợ chồng bà sinh sống ở Vĩnh N, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Hai vợ chồng không có xô xát cãi vã nhau. Vẫn ăn chung còn có ngủ, sinh hoạt vợ chồng với nhau hay không thì bà không rõ. Ngay khi vợ chồng lấy nhau về bà đã cho ra ăn riêng. Quá trình anh N chị T chung sống, bà ở một mình trên tầng 3 của ngôi nhà và không quan tâm để ý đến cuộc sống vợ chồng anh N chị T. Kể cả việc cháu L có bị bố đánh chửi hay quan tâm chăm sóc như thế nào bà cũng không biết.

Nay hai vợ chồng anh N chị T xin li hôn anh bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Bà Khánh cũng xác nhận ông thông gia hiện nay cũng đã bị lẫn không nhớ được gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

Qua công tác kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý cho đến khi xét xử:

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng người tham gia tố tụng.

Thời hạn thụ lý vụ án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ vợ chồng và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đúng với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự tại phiên tòa.

Về phía đương sự: Nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; Bị đơn còn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị toà án tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quang N với chị Trần Thị T.

+ Về con: Giao cháu Nguyễn Thùy L cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh N cho cháu L số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: anh Nguyễn Quang N phải chịu án phí không có giá ngạch.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 03/02/2020 đã có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Trần Thị T và nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn hiện cư trú tại thôn Ngọc C, xã Vĩnh N, huyện Đ, Hà Nội nên Tòa án thụ lý đơn khởi kiện nên việc thụ lý đơn và thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền về loại việc và thẩm quyền về lãnh thổ.

Anh N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Chị T không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung. Tại phiên tòa rút yêu cầu giải quyết bồi thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Tòa án xác định vụ án có nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng là đúng và đầy đủ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, cho đương sự và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự đến để ghi lời khai và triệu tập bị đơn đến Tòa làm việc theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Anh N và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng kí kết hôn nên hôn nhân trên là hợp pháp.

Lí do ly hôn hai bên mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không quan tâm, chăm sóc gì với nhau nữa.

Anh N đã chuyển ra sinh sống tại Núi M, xã Hoài S, Tiên D, Bắc Ninh từ năm 2017. Lí do vì công việc làm bảo vệ tại Khu công nghiệp nên ở ngoài cho tiện và anh không còn tình cảm với chị T nên không muốn ở cùng nhà. Anh N khẳng định ngay từ khi cưới chị T anh đã không có tình cảm và sau này khi kết hôn cho đến nay anh cũng không có tình cảm với chị T.

Kể từ khi ra ở riêng anh chị không còn quan tâm đến nhau. Khi về thăm con anh Ngủ ở ngoài còn chị T và con ngủ ở trong nhà. Anh N có đóng góp nuôi con là 2 triệu đồng/tháng. Mẹ đẻ anh biết việc này nhưng biết anh quyết tâm nên không can thiệp.

Chị T khai anh N vẫn về ăn cơm chung về ngủ chung. Anh N đã có lần làm đơn xin li hôn mẹ chồng đã có ý kiến, chị có xé đơn li hôn, nhưng anh N vẫn không nghe, không có trách nhiệm với gia đình đòi được li hôn, anh N không quan tâm đến vợ con, công việc của gia đình, họ hàng. Chỉ biết cuộc sống của anh N. Mẹ chồng có khuyên can việc anh N làm đơn xin hôn nhưng anh N không thay đổi quan điểm.

Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh N:

Ủy ban nhân dân xã, đại diện Thôn cho biết anh N và chị T sinh sống ở địa phương nhưng anh chị có xích mích mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được do anh N và chị T chưa bao giờ yêu cầu địa phương hòa giải hay yêu cầu can thiệp giải quyết.

Về thu nhập chị T hiện đi làm tạp vụ thu nhập khoảng 4-5 triệu đồng/tháng. Chị T và anh N đang sinh sống trên đất của mẹ đẻ anh N.

Những ý kiến của các bên trình bày tại phiên tòa, thực trạng cuộc sống vợ chồng đã cho thấy rõ anh N và chị T chung sống với nhau nhưng một trong hai bên không có tình cảm, duy trì cuộc sống vợ chồng cho đến nay là vì con cái. Do đó hai bên chỉ quan tâm đến cuộc sống của mình chẳng ai quan tâm đến ai. Nghĩa vụ của vợ chồng trong việc quan tâm chăm sóc cả về vật chất và tinh thần đều không được thực hiện. Như vậy cả hai bên đều đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân của hai bên thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 qui định “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. ”

Hội đồng xét xử thấy hôn nhân của anh N chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh N cho anh N được li hôn.

Con chung vợ chồng: Chị T và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/10/2004. Khi ly hôn, chị T yêu cầu giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng do thu nhập của chị thấp không đủ để trang trải cuộc sống nuôi dưỡng cháu. Nhưng chị sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con từ 1,5 đến 3 triệu đồng/ tháng.

Anh N yêu cầu giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp chị T không đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định

..2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Chị T còn cho biết cháu L rất ghét và hận bố vì vậy vậy để đảm bảo mọi mặt cho cháu L Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu L cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng sau li hôn. Anh N đóng góp nuôi con cho chị T mỗi tháng 1,5 triệu đồng kể từ tháng 6 năm 2020.

Tài sản chung vợ chồng anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 227 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh Nguyễn Quang N xin ly hôn với chị Trần Thị T

Tuyên xử:

Anh Nguyễn Quang N được li hôn với chị Trần Thị T

Về con chung: anh N và chị T có 1 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 08/10/2004. Khi ly hôn, giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi có sự thay đổi khác hoặc cho đến khi cháu L thành niên.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí anh Nguyễn Quang N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2018/15340 ngày 6.2.2020 của C cục thi hành án dân sự Đ nay được chuyển thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh N, Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Đường sự trong vụ án;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- C cục THADS huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh N, Đ, Hà Nội để vào sổ đăng ký kết hôn số 05 quyền 01-2004
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Bách